

1. Kinh tế hàng hóa mà trình độ cao là kinh tế thị trường không đối lập với chủ nghĩa xã hội (1)

Sở dĩ có ý kiến đem đối lập chủ nghĩa xã hội với kinh tế hàng hóa là do nhận thức không đúng về điều kiện ra đời và tồn tại sản xuất hàng hóa.

Sách giáo khoa kinh tế chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đều viết rằng: hai điều kiện ra đời và tồn tại sản xuất hàng hóa là phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Đồng thời, lại quá nhấn mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với chế độ tư hữu và giáo điều rằng, sản xuất hàng hóa hàng ngày, hằng giờ để ra chủ nghĩa tư bản, nên đã nóng vội xóa bỏ ngay chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu khi lực lượng sản xuất còn lạc hậu để tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó đi tới kết luận sai lầm rằng, vì không còn chế độ tư hữu nên cũng không còn điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại sản xuất hàng hóa.

Phải chăng nhận thức sai lầm trên đây là do hiểu không đúng các luận điểm của C. Mác về điều kiện tồn tại sản xuất và trao đổi hàng hóa?.

Khi khẳng định, phân công lao động xã hội là điều kiện tồn tại của sản xuất hàng hóa, C. Mác đồng thời chỉ rõ rằng trong các công xã ở Ấn Độ và trong các công xưởng hiện đại, tuy lao động đã có sự phân công xã hội, nhưng các sản phẩm lao động không trở thành hàng hóa vì "Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như những hàng hóa"(2).

Còn khi nói về trao đổi hàng hóa, C. Mác nhấn mạnh: "Muốn cho những đồ vật đó quan hệ với nhau như những hàng hóa thì những người giữ hàng hóa phải... công nhận lẫn nhau là những người tư hữu"(3). Hay là, "Muốn cho

Kinh tế hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, tồn tại tất yếu trong chủ nghĩa xã hội

ĐỖ THẾ TÙNG *

việc chuyển nhượng đó mang tính chất có đi có lại, thì người ta chỉ cần mặc nhiên coi nhau như là những kẻ sở hữu tư nhân đối với các vật có thể chuyển nhượng ấy, và do đó, là những con người độc lập đối với nhau"(4).

Để hiểu chính xác những luận điểm trên đây cần làm rõ phạm trù "lao động tư nhân" và "những người tư hữu" hay "những kẻ sở hữu tư nhân đối với các vật có thể chuyển nhượng".

Một là, lao động tư nhân. Chúng ta biết rằng lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt: lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

* GS, TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển đến trình độ cao, trong đó các yếu tố đầu vào của sản xuất và các sản phẩm đầu ra đều phải thông qua thị trường. C. Mác đã so sánh người Fermier cận đại với người tiểu nông kiểu cũ. Người Fermier bán toàn bộ sản phẩm của mình và mua toàn bộ các yếu tố sản xuất trên thị trường, kể cả sức lao động và hạt giống. Còn người tiểu nông mua bán càng ít càng tốt, và trong chùng mực có thể, anh ta còn tự chế tạo lấy công cụ lao động, quần áo v.v... (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen toàn tập, t 24, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, t 176). Như vậy, kinh tế của người tiểu nông đã có một bộ phận là kinh tế hàng hóa nhưng chưa phải là kinh tế thị trường. Nhưng kinh tế thị trường thì đương nhiên là kinh tế hàng hóa

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 72

(3) (4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen: *Sđđ*, t 23, tr 132, 137

Lao động cụ thể sản xuất ra giá trị sử dụng của hàng hóa mang tính chất tư nhân, vì sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai là do từng người sản xuất tự quyết định. Nhưng giá trị sử dụng của hàng hóa lại là giá trị sử dụng cho người khác, tức là giá trị sử dụng xã hội. Muốn moi được tiền trong túi những người chủ tiền thì giá trị sử dụng phải đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của họ, nên lao động tư nhân này phải là một khâu của lao động tổng thể, là một khâu của hệ thống phân công lao động xã hội tự phát. Mặt khác, mỗi loại lao động tư nhân, có ích và đặc thù này có thể trao đổi với bất kỳ loại lao động tư nhân, có ích và đặc thù khác, do đó, được coi là ngang với thứ lao động tư nhân ấy. Sự ngang giá ấy chỉ có thể thấy được khi ta quy các lao động tư nhân, cụ thể đó thành tính chất chung của chúng là sự tiêu phí sức lao động của con người, là lao động trừu tượng của con người. Bởi vậy, lao động trừu tượng mang tính chất xã hội.

Nhưng lao động tư nhân không đồng nhất với tư hữu. Lao động tư nhân, độc lập có thể là lao động cá thể, có thể là lao động tổng thể (một xí nghiệp, hiệp tác, một công trường thủ công, một công xưởng, một liên hiệp xí nghiệp, kể cả những doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước...) mà chỉ sản phẩm của cả tập thể mới trở thành hàng hóa. Xét trong phạm vi cả xã hội thì lao động của mỗi người lao động cá thể hay mỗi người lao động tổng thể ấy trước hết biểu hiện ra là lao động tư nhân, sản phẩm được tạo ra trước hết thuộc quyền sở hữu của mỗi tư nhân đó (không kể các yếu tố đầu vào thuộc quyền sở hữu của họ hay họ đi vay, đi thuê) và chỉ thông qua trao đổi lao động tư nhân đó mới biểu hiện thành lao động xã hội, mới chứng tỏ lao động tư nhân đó được xã hội thừa nhận hay không.

Như vậy, không chỉ những cá nhân hay đơn vị sản xuất dựa trên chế độ sở hữu tư nhân, mà cả những doanh nghiệp dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, nếu tự chủ về kinh tế và độc lập, không phụ thuộc vào nhau thì sản phẩm của họ cũng phải đối diện với nhau như là hàng hóa.

Hai là, "những người tư hữu" hay "những kẻ sở hữu tư nhân đối với các vật có thể chuyên nhượng" tức chủ sở hữu những hàng hóa đem trao đổi.

Chế độ sở hữu bao gồm các quyền cụ thể gắn với lợi ích kinh tế, trong đó có các quyền cơ bản là quyền sở hữu pháp lý, quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng. Trong sản xuất hàng hóa nhỏ, có thể những quyền nói trên thuộc về cùng một chủ thể (người tiểu nông, thợ thủ công hay người làm dịch vụ cá thể). Nhưng xu hướng chung là quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng ngày càng tách rời quyền sở hữu pháp lý. C. Mác đã chỉ ra rằng, ở châu Á trước đây ruộng đất thuộc sở hữu của nhà nước, của vua chúa. "Ở đây, nhà nước là kẻ sở hữu ruộng đất tối cao. Chủ quyền ở đây là quyền sở hữu ruộng đất, tập trung trên phạm vi cả nước. Nhưng, trong trường hợp đó lại không có quyền sở hữu tư nhân đối với ruộng đất, mặc dù vẫn có quyền chiếm hữu ruộng đất và quyền sử dụng ruộng đất, quyền này hoặc là của tư nhân, hoặc là của cộng đồng" (5).

V. I. Lê-nin đã nhiều lần chứng minh rằng nông nghiệp tư bản chủ nghĩa có thể phát triển trên cơ sở những hình thức chế độ sở hữu ruộng đất hết sức khác nhau.

Người đã nhắc lại luận điểm của C. Mác rằng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã gặp (và không chế được) những chế độ sở hữu ruộng đất hết sức khác nhau, từ chế độ sở hữu thị tộc và chế độ sở hữu phong kiến đến chế độ sở hữu công xã nông dân; đồng thời đã vạch rõ sản xuất lớn đòi hỏi việc chiếm hữu thực tế và sử dụng ruộng đất tập trung quy mô lớn. Vì vậy, ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, toàn bộ ruộng đất đều do các doanh nghiệp tư nhân riêng rẽ chiếm giữ, nhưng các doanh nghiệp này không những kinh doanh ruộng đất của mình, mà còn kinh doanh ruộng đất thuê của các tư nhân chủ ruộng đất, của nhà nước hay của những công xã. Khi giả định rằng, nông

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t 25 phần II, tr 499

ng nghiệp tổ chức theo lối tư bản chủ nghĩa, tất nhiên bao hàm cả ý giả định rằng, tất cả ruộng đất đều bị các doanh nghiệp tư nhân riêng rẽ chiếm giữ, *nhưng tuyệt nhiên không bao hàm cái ý giả định rằng toàn bộ ruộng đất là tài sản tư hữu* của những nghiệp chủ đó hay của những người khác, hoặc giả định rằng đó là sở hữu tư nhân nói chung. "Về mặt lô-gíc, chúng ta hoàn toàn có thể hình dung được nền nông nghiệp tổ chức theo lối thuần túy tư bản chủ nghĩa, trong đó hoàn toàn không có sở hữu tư nhân về ruộng đất, ruộng đất là sở hữu của nhà nước hay của một công xã v.v..." (6). Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hoàn toàn đi đôi với việc không có chế độ tư hữu về ruộng đất, với việc quốc hữu hóa ruộng đất, tức là khi mà hoàn toàn không có địa tô tuyệt đối, còn địa tô chênh lệch thì thuộc về nhà nước. Nhân tố kích thích sự tiến bộ về nông học không vì vậy mà bị yếu đi, trái lại còn được tăng cường lên rất nhiều (7). Tài liệu lịch sử cũng chứng minh rằng, dưới bất cứ hình thức chiếm hữu ruộng đất nào, nông nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng vẫn cứ nảy sinh và phát triển (8). Hơn nữa, việc trao đổi hàng hóa lần đầu xuất hiện giữa các đơn vị kinh tế công hữu (các bộ lạc, các công xã nguyên thủy...) chứ không phải giữa các đơn vị kinh tế tư hữu. C. Mác đã nhận thấy: "Sự trao đổi hàng hóa bắt đầu ở nơi mà công xã kết thúc, ở những điểm nó tiếp xúc với các công xã khác hay với những thành viên của các công xã khác đó" (9).

Tóm lại, sản xuất hàng hóa có thể thích ứng với cả chế độ tư hữu và chế độ công hữu khi xét về quyền sở hữu pháp lý đối với tư liệu sản xuất; nhưng quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng tư liệu sản xuất thì phải thuộc về từng chủ thể độc lập và không phụ thuộc vào nhau, do đó kết quả sản xuất cũng thuộc quyền chi phối của họ, và người này chỉ có thể chiếm hữu hàng hóa của người kia bằng cách trao đổi hàng hóa của mình, với ý nghĩa đó họ phải thừa nhận lẫn nhau là những người tư hữu hay những người sở hữu tư nhân đối với những hàng hóa mà họ đem ra trao đổi. Bởi vậy, việc quy định ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước

đại diện chủ sở hữu, giao quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng lâu dài cho các hộ nông dân và các đơn vị kinh tế khác, không những không cản trở việc phát triển nông nghiệp hàng hóa, mà còn thúc đẩy quá trình hợp lý hóa nông nghiệp.

2. Kinh tế hàng hóa tất yếu tồn tại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và cả trong chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản

Do chủ quan, duy ý chí, muốn sớm có chủ nghĩa xã hội khi lực lượng sản xuất còn lạc hậu, chúng ta đã đồng nhất chủ nghĩa xã hội với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất được xác lập một cách hình thức. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: "Thành tựu to lớn nhất là đã thủ tiêu chế độ người bóc lột người; chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể đã được xác lập một cách phổ biến"; và "các giai cấp đã bị xóa bỏ". "Nhìn chung, sau hai mươi năm cải tạo và xây dựng, miền Bắc đã bước đầu kiến lập được một hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội". "Chúng ta đã chuyển miền Bắc từ chế độ thuộc địa và nửa phong kiến với một nền kinh tế nông nghiệp hết sức lạc hậu sang chế độ xã hội chủ nghĩa một cách nhanh gọn"; thế nhưng vẫn thừa nhận "Tuy đã đi được một chặng trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhưng nhìn chung, nền kinh tế miền Bắc còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém" (10).

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 5, tr 139 - 140

(7) Xem: V.I. Lê-nin: *Sdd*, t 4, tr 176 - 177

(8) Xem: V.I. Lê-nin: *Sdd*, t 5, tr 145

(9) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sdd*, t 23, tr 138

(10) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 29, 32, 33, 34

Nhận thức nói trên đã xuất phát từ việc hiểu một cách giáo điều và vận dụng không đúng những luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen như: "chủ nghĩa cộng sản phải xóa bỏ buôn bán"⁽¹¹⁾; "Cùng với việc xã hội nắm lấy những tư liệu sản xuất thì sản xuất hàng hóa cũng bị loại trừ, và do đó, sự thống trị của hàng hóa đối với những người sản xuất cũng bị loại trừ"⁽¹²⁾.

Thực ra những luận điểm trên là những dự đoán về giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải là nói về giai đoạn thấp của nó (tức là chủ nghĩa xã hội). Nói về giai đoạn thấp ấy, C. Mác đã nhấn mạnh: đó là một xã hội "vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra"⁽¹³⁾. Như vậy, làm sao xóa ngay được cái "dấu vết" đặc trưng của chủ nghĩa tư bản là kinh tế hàng hóa?

Còn "xã hội nắm lấy các tư liệu sản xuất", tức là xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất thì không thể tùy tiện, vì "Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới, không còn phù hợp với các quan hệ sở hữu cũ nữa"⁽¹⁴⁾. Bởi vậy, không thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức, "cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu". Cho nên chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần và "chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu" ⁽¹⁵⁾.

Trong giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, mỗi người lao động vẫn còn lệ thuộc vào sự phân công lao động xã hội, vẫn còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; lao động vẫn là phương tiện để sinh sống chứ chưa trở thành nhu cầu bậc nhất của mỗi người, sức sản xuất của xã hội chưa đạt đến mức của cải tuôn ra dào dạt để phân phối theo nhu cầu, thì vẫn phải đi con đường vòng thực hiện phân phối thông qua trao đổi hàng hóa.

Chính V.I. Lê-nin trong Chính sách cộng sản thời chiến cũng đã từng tưởng rằng có thể thủ tiêu hoàn toàn thương nghiệp và thay thế việc buôn bán bằng chế độ phân phối sản phẩm một cách có kế hoạch và có tổ chức trên quy mô toàn quốc. Nhưng sau đó, qua thực tiễn của nước Nga, Người đã nhận ra rằng, không thể làm như vậy, mà phải khuyến khích tự do lưu thông hàng hóa, coi thương nghiệp là mắt xích chủ yếu trong toàn bộ chuỗi xích kinh tế mà người cộng sản phải nắm lấy, và đó cũng là nội dung cơ bản nhất của Chính sách kinh tế mới (NEP). Thực tiễn cũng đã dạy chúng ta rằng "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng" ⁽¹⁶⁾.

Như vậy, sự tồn tại kinh tế thị trường trong chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan, là sự kế thừa thành tựu của nền văn minh nhân loại trong giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản. Theo dự đoán của C. Mác, chỉ đến khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, trở thành nguồn chủ yếu tạo ra của cải, còn lao động dưới hình thái trực tiếp lui xuống hàng thứ yếu thì nền sản xuất dựa trên giá trị trao đổi (tức là sản xuất hàng hóa) mới bị sụp đổ ⁽¹⁷⁾.

3. Phải làm gì để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ những điều đã trình bày ở trên có thể rút ra một số việc chủ yếu cần phải làm để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(11) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 4, tr 618

(12) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 20, tr 392

(13) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 19, tr 33

(14) (15) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 4, tr 467, 469

(16) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 97

(17) Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 46, phần II, tr 368 - 373

3.1. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Vì lực lượng sản xuất ở nước ta phát triển với những trình độ khác nhau giữa các ngành và giữa các vùng, và thậm chí khác nhau ngay trong nội bộ từng ngành, nên tương ứng với những trình độ lực lượng sản xuất khác nhau ấy tất yếu tồn tại những quan hệ sản xuất, đặc biệt là quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và phân phối thích ứng khác nhau. Vì thế, như V. I. Lê-nin đã chỉ rõ, tính chất quá độ của nền kinh tế có nghĩa là trong chế độ kinh tế có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội⁽¹⁸⁾. Ở những nước nông nghiệp lạc hậu, thì còn có cả những bộ phận tiền tư bản chủ nghĩa nữa (như kinh tế tự nhiên, kinh tế hàng hóa nhỏ).

Cần lưu ý rằng các thành phần kinh tế không phải là nhất thành bất biến. Vì vậy, khi nói kinh tế nhiều thành phần tồn tại lâu dài, không có nghĩa là mọi thành phần cứ y nguyên, tồn tại mãi. Biện chứng của sự vận động là, khi một sự vật phát triển đến trình độ cao nhất, nó lại tạo điều kiện phủ định chính nó. Chẳng hạn, kinh tế tự nhiên phải chuyển thành kinh tế hàng hóa. Sản xuất hàng hóa nhỏ phải chuyển thành sản xuất hàng hóa lớn, bằng cách phân hóa hai cực thành sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, hoặc là hình thành những doanh nghiệp tập thể quy mô lớn, đủ sức cạnh tranh trên thương trường, hay là làm vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn (kể cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

3.2. Coi trọng tính tự chủ của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tập thể. Các doanh nghiệp tư nhân thì mặc nhiên thể hiện tính độc lập và không phụ thuộc vào nhau, nhưng các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tập thể do chịu ảnh hưởng của các tàn dư của nền kinh tế kế hoạch tập trung, bao cấp nên tính độc lập chưa được thể hiện triệt để. Bởi vậy, muốn thích ứng với cơ chế thị trường, các doanh nghiệp ấy phải được bảo đảm tính tự chủ,

nhất là tự chủ về tài chính và tự chủ về sản xuất kinh doanh.

3.3. Ra sức thúc đẩy phân công lao động xã hội phát triển sâu, rộng, nhất là chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Phân công lao động xã hội là cơ sở tồn tại và phát triển sản xuất hàng hóa. Sự phát triển kinh tế hàng hóa khiến một bộ phận ngày càng đông trong dân cư tách khỏi nông nghiệp, tức là nhân khẩu công nghiệp và dịch vụ tăng lên, làm cho nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống. C. Mác đã nhấn mạnh: "Do bản chất của nó, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không ngừng giảm bớt nhân khẩu nông nghiệp, so với nhân khẩu phi nông nghiệp, bởi vì trong công nghiệp (theo nghĩa hẹp của danh từ này), việc tư bản bất biến tăng lên so với tư bản khả biến thường kết hợp với sự tăng thêm tuyệt đối (dù là giảm bớt tương đối) của tư bản khả biến; còn trong nông nghiệp thì tư bản khả biến cần thiết để canh tác một khoảnh đất nhất định lại giảm bớt một cách tuyệt đối; do đó tư bản khả biến chỉ có thể tăng thêm khi người ta canh tác những đất đai mới, điều này lại giả định rằng nhân khẩu phi nông nghiệp phải tăng lên nhiều hơn nữa"⁽¹⁹⁾.

Hiện nay ở nước ta nhân khẩu ở nông thôn vẫn chiếm khoảng 80% dân số cả nước và lao động nông nghiệp vẫn chiếm gần 60% tổng số lao động trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; giá trị sản lượng nông nghiệp vẫn chiếm trên 20% tổng GDP, trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, trồng trọt vẫn chiếm trên 70%, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp chỉ chiếm trên 20%.

Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cao, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội chỉ vào khoảng từ 3% đến 10%.

(Xem tiếp trang 47)

(18) Xem: V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 362

(19) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t 25, phần II, tr 274-275

Theo chúng tôi, cùng với việc phải đánh giá đúng phẩm chất, năng lực cần phải kê khai tài sản cá nhân và phải có tài sản thế chấp, và phải thế chấp ở mức phù hợp. Vì đây là một hợp đồng - hợp đồng thuê, nên nó vừa có ý nghĩa về mặt kinh tế, vừa có ý nghĩa về mặt dân sự, thế chấp là để có trách nhiệm hơn đối với tài sản chung của Nhà nước đặt dưới sự điều hành (công việc chính) của người làm thuê. Trong vấn đề này cũng tương tự như vay tiền ngân hàng, người vay cũng phải thế chấp tài sản để gắn bó trách nhiệm cá nhân với hiệu quả sử dụng vào bảo tồn tiền vay như việc thực hiện một hợp đồng - một kế ước vậy.

Như vậy, chúng ta sẽ từng bước xóa bỏ những dư luận không thích, không muốn ký hợp đồng làm thuê tổng giám đốc, coi việc tổng giám đốc, giám đốc làm thuê là "xấu hổ", là "mất danh dự", là "mất uy tín"... Tổng giám đốc (giám đốc) là một công việc được xã hội phân công, đầy tính phức tạp, đối mặt với nhiều rủi ro, mạo hiểm, đòi hỏi không những phải có trình độ, năng lực và phẩm chất cá nhân, mà còn gắn với lợi ích, quyền lợi, trách nhiệm của cá nhân, cho nên nó cũng vinh quang như bao công việc khác nếu ai làm tốt. Chưa nói, công việc đó cũng gắn với quy luật phân phối hiện nay trong xã hội ta là, có làm thì có hưởng, mà ở đây làm thuê cho Nhà nước hẳn hoi, không việc gì phải né tránh, xấu hổ và lại càng không nên ngại biện để bỏ qua một phương thức quản lý có khả năng đem lại hiệu quả cao cho các doanh nghiệp nhà nước.

Từ những bước đi ban đầu đó, cùng với nguyên tắc sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thiết nghĩ, chúng ta sẽ từng bước làm quen với tiêu chuẩn đạo đức chung là càng làm lợi cho xã hội được nhiều thì càng được xã hội trân trọng, tôn vinh và ban thưởng nhiều, cuộc sống càng ấm no, sung túc. Đó cũng chính là một trong những nội dung của xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

KINH TẾ HÀNG HÓA...

(Tiếp theo trang 41)

Theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2002, đến năm 2010 tỷ lệ lao động nông nghiệp ở nước ta sẽ còn 50%. Song đạt được chỉ tiêu trên rất khó. Từ năm 1996 đến năm 2000 tỷ trọng lao động nông nghiệp chỉ giảm được 3% (từ 71,2% xuống 68,2%), vậy đến năm 2010 liệu có giảm thêm được 18,2%. Việc này gặp trở ngại do phần lớn lao động nông nghiệp là lao động giản đơn, trình độ học vấn thấp, trong khi công nghiệp và dịch vụ lại đòi hỏi lao động có đào tạo và lành nghề. Do đó, xuất hiện tình trạng thừa rất nhiều lao động giản đơn và thiếu trầm trọng lao động lành nghề, và đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đẩy mạnh công tác đào tạo.

Số liệu dẫn ra ở trên cũng chỉ rõ, ở nước ta hiện nay chăn nuôi vẫn chưa trở thành một ngành chính, chưa tách khỏi trồng trọt thành một ngành độc lập. Phần lớn việc chăn nuôi gia súc, gia cầm vẫn là nghề phụ của những hộ nông dân làm nghề trồng trọt. Sản xuất nông nghiệp còn mang nặng tính chất tự cung, tự cấp, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa và miền núi.

Trong lúc phải đẩy mạnh phân công lao động xã hội trong nước, nước ta còn phải chủ động và tích cực tham gia phân công lao động quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

3.4. Nhà nước quan tâm điều tiết thu nhập của dân cư để giảm bớt sự bất bình đẳng trong xã hội. Phát triển kinh tế thị trường, bao gồm phát triển kinh tế tư bản tư nhân, tất yếu dẫn đến sự phân hóa hai cực: giàu và nghèo, tăng khoảng cách về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Mặc dù chưa thể xóa ngay tình trạng bất bình đẳng ấy, nhưng nếu để chênh lệch quá lớn sẽ dẫn đến mất ổn định xã hội. Bởi vậy, Nhà nước phải quan tâm điều tiết thu nhập của dân cư bằng nhiều biện pháp, mà chủ yếu là điều tiết bằng thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. □